

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DSST
Ngày: 24-6-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiến
2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Mai Đoàn Thực – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Đội 5, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 14A đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn A, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Đội 5, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:** Vào ngày

21.10.2019 âm lịch Nguyễn Xuân C đến nhà bà vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hẹn khoảng 1-2 tháng trả tiền vay gốc, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, mục đích vay tiền về để đóng tiền vào công ty do C có bằng lái xe ô tô, C trực tiếp viết giấy mượn tiền, ngoài số tiền trên thì C không còn vay khoản tiền nào khác. Khi vay số tiền 20.000.000đ thì C có thể chấp 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Nguyễn Xuân C và 01 hồ sơ gốc thi bằng lái xe ô tô đứng tên Nguyễn Xuân C. Từ lúc vay tiền cho đến nay thì C chưa trả tiền vay gốc và tiền lãi, bà nhiều lần đòi nhưng C chỉ hứa hẹn mà không trả. Đến ngày 10.01.2021 C thỏa thuận ký tên trong 02 giấy cam kết, mỗi bên giữ 01 bản và hứa trả số tiền vay gốc 20.000.000đ trong thời hạn 10 tháng mỗi tháng trả tiền gốc và lãi là 2.800.000đ. Bà xác định cả 02 giấy cam kết trên thực chất chỉ có một khoản vay 20.000.000đ vay vào ngày 21.10.2019 âm lịch, từ lúc viết giấy cam kết cho đến nay thì C cũng không trả khoản tiền vay gốc và tiền lãi nào. Nay bà yêu cầu Nguyễn Xuân C có nghĩa vụ trả vợ chồng bà số tiền vay gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 21.10.2019 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày:* Do kẹt tiền nên vào ngày 21.10.2019 âm lịch, anh có đến vay tiền của bà T số tiền vay gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền lãi thỏa thuận trả hàng tháng với mức lãi suất là 6%/tháng, thời hạn vay không xác định, khi nào có tiền thì trả tiền vay gốc. Khi giao số tiền vay gốc thì bà T trừ trước 01 tháng tiền lãi là 1.200.000đ chỉ đưa anh số tiền vay gốc là 18.800.000đ, việc thỏa thuận trả tiền lãi chỉ thỏa thuận miệng, chứ không viết giấy tờ, mục đích vay tiền để đóng tiền vào công ty do anh lái xe Ben chạy cho công trình. Khi vay số tiền 20.000.000đ thì anh có viết cho bà T 01 giấy mượn tiền hiện do bà T đang giữ và thế chấp cho bà T 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK290052 đứng tên Nguyễn Xuân C và 01 bộ hồ sơ gốc thi lái xe ô tô đứng tên Nguyễn Xuân C, ngoài số tiền trên thì anh không còn vay bà T khoản tiền nào khác.

Hàng tháng bà T đến nhà anh nhận tiền lãi nhưng không có viết giấy biên nhận, anh trả tiền lãi cho bà T đến tháng 10.2020 âm lịch thì không còn khả năng trả tiền lãi nên vào ngày 10.01.2021 bà T buộc anh ký tên trong 02 giấy cam kết cho mượn nợ (viết vào mặt sau bản photo tờ giấy mượn tiền ngày 21.10.2019 âm lịch) và mỗi bên giữ 01 bản. Theo giấy này thì anh trả số tiền vay gốc 20.000.000đ trong vòng 10 tháng mỗi tháng trả 2.800.000đ nhưng sau ngày này thì anh không có tiền trả nợ cho bà T, sau đó bà T cho người đến nhà anh đập phá cửa sắt. Anh xác định hiện còn nợ bà T số tiền vay gốc 20.000.000đ nên anh đồng ý trả tiền vay gốc 20.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng nhưng hiện tại hoàn cảnh khó khăn, chạy xe thồ và nuôi mẹ già nên không có khả năng trả 1 lần, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn A trình bày: Nguyên vào ngày 21.10.2019 Nguyễn Xuân C đến nhà ông mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lúc đó không có ông ở nhà, C có thể chấp cho vợ ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Xuân C và 01 bộ hồ sơ lái xe ô tô hiện chưa trả. Nay ông thông nhất yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu Nguyễn Xuân C phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc 20.000.000đ và mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự, Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.
2. Buộc anh Nguyễn Xuân C phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T – ông Phạm Văn A số tiền vay gốc 20.000.000đ và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 21/10/2019 âm lịch cho đến ngày xét xử.
3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Xuân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp tạm ứng trước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 21.10.2019 âm lịch giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân C tự nguyện thỏa thuận xác lập giao dịch vay số tiền 20.000.000đ và cùng thỏa thuận mức lãi suất 6%/tháng. Theo đó anh Nguyễn Xuân C đã nhận tiền vay gốc 20.000.000đ từ bà T nhưng sau đó anh C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để bảo vệ quyền lợi nên bà T khởi kiện yêu cầu anh C trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C xác định hiện còn nợ vợ chồng bà T ông A số tiền vay gốc 20.000.000đ là phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày của bà T, ông A nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó buộc anh Nguyễn Xuân C có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[3] Về mức lãi suất vay bà T và anh C thỏa thuận 6%/tháng là trái với quy định của Bộ luật dân sự, anh C xác định đã trả tiền lãi vay cho bà T kể từ lúc vay tiền cho đến tháng 10.2020 âm lịch nhưng không được bà T đồng ý và anh C cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên phiên tòa, bà T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 21.10.2019 âm lịch (tức ngày 17.11.2019 dương lịch) đến ngày xét xử với mức lãi suất là 1%/tháng, anh C thống nhất với yêu cầu tính lãi và mức lãi suất 1%/tháng. Xét việc thỏa thuận về mức lãi suất 1%/tháng của bà T, anh C không quy phạm Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên công nhận, tiền lãi được tính từ ngày 21.10.2019 âm lịch (tức ngày 17.11.2019 dương lịch) đến ngày xét xử (ngày 24.6.2021) là 19 tháng 15 ngày, cụ thể như sau:

$$(20.000.000đ \times 1\%/tháng \times 19 \text{ tháng}) + [(20.000.000đ \times 1\%/tháng \times 15 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày}] = 3.900.000đ$$

Như vậy, anh C có trách nhiệm trả vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Phạm Văn A số tiền vay gốc 20.000.000đ và tiền lãi 3.900.000đ, tổng cộng là 23.900.000đ (hai mươi ba triệu, chín trăm nghìn đồng).

[4] Anh C yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000đ nhưng không được vợ chồng bà T ông A đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên không Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trả dần của anh C.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Xuân C phải chịu án phí là 1.195.000đ [cách tính: 23.900.000đ x 5%]. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 1 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc anh

Nguyễn Xuân C có trách nhiệm trả vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Phạm Văn A số tiền vay gốc 20.000.000đ và tiền lãi 3.900.00đ, tổng cộng là 23.900.000đ (hai mươi ba triệu, chín trăm nghìn đồng).

2. Bác yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ của anh Nguyễn Xuân C vì không có căn cứ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân C phải chịu 1.195.000đ (một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng), hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tiền tạm ứng án phí là 500.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004787 ngày 15.4.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

5. Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

5.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ